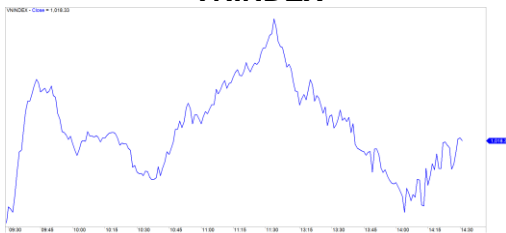


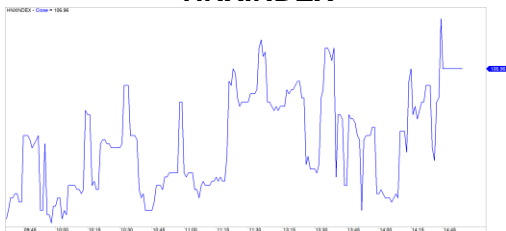
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,018.33	106.96	56.80
% ngày	0.16%	0.19%	0.14%
% tuần	-0.59%	0.23%	0.34%
% tháng	2.67%	1.62%	-0.30%
% năm	10.91%	3.47%	9.95%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,246	281	381
TB 1 tuần	4,272	294	331
TB 1 tháng	4,009	401	250
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	431.40	10.03	44.05
Bán	582.55	4.62	38.18
Giá trị ròng	-151.15	5.41	5.87
Độ rộng TT			
Mã Tăng	168	70	169
Mã Giảm	128	56	96
Không Đổi	92	243	638
Chỉ số chính			
P/E	16.61	9.32	17.81
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,474	192	982
LS Cổ tức	1.44%	4.73%	5.08%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index sau 2 phiên điều chỉnh đã ghi nhận phiên tăng đầu tiên. Cụ thể, chỉ số tăng 0.16% chốt tại 1018.33 điểm. Chỉ số HNX-Index tăng 0.19% dừng tại 106.96 điểm. Chỉ số Upcom-Index cũng tăng 0.15% neo tại 56.8 điểm. Dòng tiền vẫn chưa cải thiện trong phiên khi giá trị giao dịch khớp lệnh đạt gần 3,840 tỷ đồng trên toàn thị trường. Độ rộng thị trường cải thiện với số mã tăng có phần chiếm ưu thế.

VN-Index giảm cơ mạnh trong phiên nhưng có dấu hiệu được hỗ trợ mạnh gần 915 điểm. Nhóm Ngân hàng diễn biến tích cực hơn nhờ BID(+1.9%), VCB(+0.4%), CTG(+0.2%) tăng giá trong khi ở chiều ngược lại chỉ mỗi VPB(-1.1%) giảm tương đối khá. FPT là điểm sáng của phiên khi tăng vượt trội 1.7% đóng cửa tại 61,000 đồng/cp với hơn 2,8 triệu cp được khớp lệnh. DPM tăng 3.6% và đồ thị giá đang trong giai đoạn hồi phục từ vùng đáy 13,000-13,500 đồng. VNM(-1.4%), VHM(-0.9%) và SAB là các trụ ảnh hưởng tiêu cực nhất tới chỉ số. Trong khi đó, GAS(+0.7%), VIC(+0.4%), VCB(+0.4%), BID(+1.9%), MSN(+0.7%), VJC(+0.5%)... hỗ trợ cho chỉ số. Về nhóm ngành, nhóm Vật liệu Xây dựng gây chú ý khi HSG chạm trần chốt phiên tại 7,880 đồng với hơn 10 triệu cp được khớp lệnh. HPG tăng 0.9% dừng tại 23,000 đồng. Nhóm Penny tiếp tục nhận dòng tiền đầu cơ tham gia tích cực như HVG(+6.9%), HCD(+6.9%), HAI(+6.9%), EVE(+6.9%)...

Khối ngoại bán ròng mạnh 139 tỷ đồng nhưng tập trung chủ yếu tại VNM với 173 tỷ đồng bị rút ròng ở cổ phiếu này. VIC cũng bị rút ròng 54 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, HPG được mua ròng mạnh nhất với 33.6 tỷ đồng theo sau VHM với 27.7 tỷ đồng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục biến động trong biên độ hẹp và chỉ số VN-Index vẫn giao dịch gần vùng hỗ trợ 1,010 – 1,015 điểm. Đồng thời, dòng tiền sẽ tiếp tục phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu, đặc biệt chúng tôi nhận thấy dòng tiền có sự dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu Smallcaps, điều này có thể sẽ khiến dòng tiền vào nhóm Largecaps có thể bị gián đoạn trong 1 – 2 phiên giao dịch. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho nên chiến lược ngắn hạn là cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 1,013.26 điểm của chỉ số VN-Index và 105.34 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục và chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu.

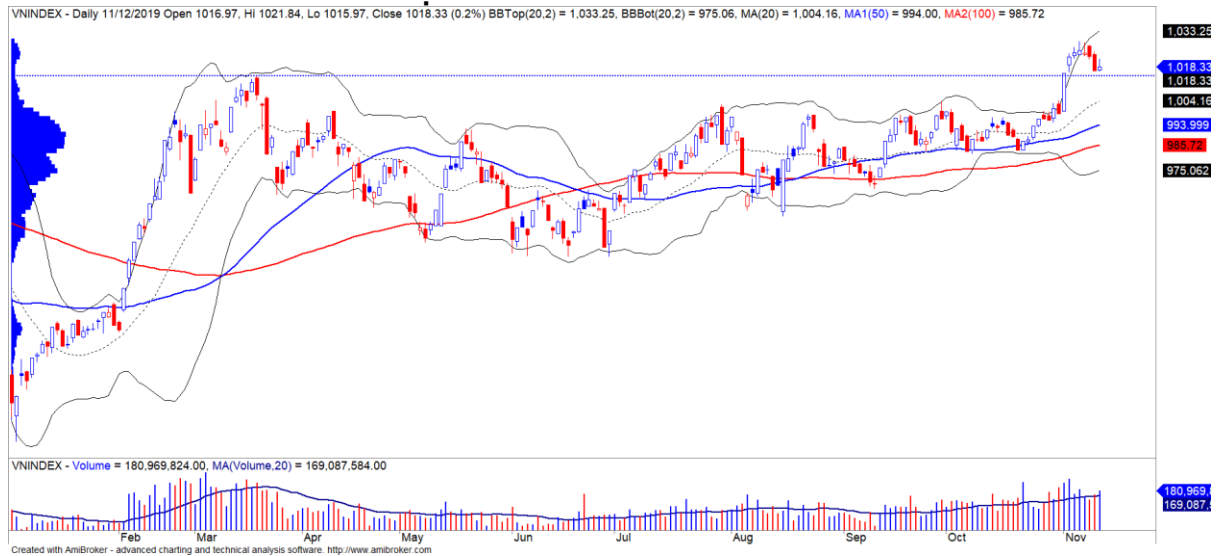
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 49% cổ phiếu/51% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.65	TĂNG	GIẢM	15.65	15.27	0.00%			16.59		
ACB	24.70	TĂNG	TĂNG	24.30	24.06	1.65%		24.00	21.78	2.92%	
ACV	77.90	TĂNG	GIẢM	75.80	77.56	2.77%			83.54		
ANV	25.25	GIẢM	GIẢM		26.55				27.58		
ASM	6.49	GIẢM	TĂNG		6.83			7.61	6.38	-14.72%	
BFC	14.75	GIẢM	GIẢM		15.28				16.69		
BID	42.10	TĂNG	TĂNG	40.80	40.07	3.19%		33.40	35.98	26.05%	
BMP	52.40	GIẢM	TĂNG	51.80	52.57	1.49%	BÁN	48.30	48.32	8.49%	
BSR	10.10	TĂNG	GIẢM	10.00	9.45	1.00%			10.51		
BVH	73.80	TĂNG	GIẢM	74.00	72.80	-0.27%			76.84		
BWE	24.80	GIẢM	GIẢM		25.92				27.80		
CEO	9.50	GIẢM	GIẢM		9.76				10.31		
CII	24.25	GIẢM	TĂNG		24.87			24.45	22.23	-0.82%	
CMG	39.40	TĂNG	TĂNG	38.90	37.82	1.29%		23.20	34.96	69.83%	
CMX	16.95	GIẢM	GIẢM		18.60				24.47		
CSM	14.45	GIẢM	TĂNG		14.93			14.39	14.22	0.41%	
CTD	71.30	GIẢM	GIẢM		77.44				90.82		
CTG	22.00	TĂNG	TĂNG	21.30	21.77	3.29%		22.00	20.43	0.00%	
CTR	49.20	TĂNG	N/A	46.50	47.38	5.81%		-	N/A		
CVT	22.40	GIẢM	TĂNG		23.76			20.35	21.01	10.07%	
DCM	7.13	GIẢM	GIẢM		7.42			8.54	7.15	-16.29%	
DGC	26.80	TĂNG	GIẢM	27.20	26.00	-1.47%			28.91		
DGW	26.85	TĂNG	TĂNG	24.60	25.26	9.15%		23.50	23.61	14.26%	
DHA	32.80	TĂNG	GIẢM	31.85	28.50	2.98%			34.15		
DHC	39.80	TĂNG	TĂNG	33.00	36.69	20.61%		37.70	32.33	5.57%	
DHG	94.00	TĂNG	GIẢM	93.50	91.37	0.53%			99.56		
DIG	13.65	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-1.80%	
DPG	49.45	TĂNG	GIẢM	46.60	45.28	6.12%			50.61		
DPM	14.20	GIẢM	TĂNG		14.25			14.95	13.37	-5.02%	
DPR	37.45	TĂNG	GIẢM	37.60	36.61	-0.40%			40.40		
DQC	17.00	GIẢM	GIẢM		17.61				19.78		
DRC	23.05	GIẢM	TĂNG		23.87			21.60	21.72	6.71%	
DXG	16.10	TĂNG	TĂNG	16.30	15.43	-1.23%		15.50	14.86	3.87%	
EIB	18.50	TĂNG	TĂNG	17.40	17.11	6.32%		18.40	17.70	0.54%	MUA
FCN	11.70	GIẢM	GIẢM		12.28				13.36		

We Create Fortune

FMC	27.05	GIẢM	TĂNG		27.65			31.60	26.18	-14.40%	
FPT	61.00	TĂNG	TĂNG	58.20	58.11	4.81%		46.00	53.53	32.61%	
GAS	105.00	TĂNG	GIẢM	104.50	103.43	0.48%			109.55		
GEX	20.90	TĂNG	TĂNG	21.50	20.15	-2.79%		20.20	20.77	3.47%	
GIL	20.25	GIẢM	GIẢM		21.43				22.88		
GMD	25.10	TĂNG	TĂNG	25.87	25.03	-2.98%		28.50	24.57	-11.93%	
GTN	21.30	GIẢM	TĂNG		21.98			15.00	18.40	42.00%	
GVR	13.80	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.83%			N/A		
HAG	4.14	GIẢM	GIẢM		4.34				4.83		
HAX	17.15	GIẢM	GIẢM		19.28				23.44		
HBC	12.30	GIẢM	GIẢM		13.08				14.92		
HCM	25.55	TĂNG	TĂNG	23.90	24.25	6.90%		23.40	21.08	9.19%	
HDB	29.50	TĂNG	TĂNG	26.30	28.68	12.17%		28.00	26.95	5.36%	
HDC	23.40	TĂNG	TĂNG	23.30	22.04	0.43%		15.25	20.01	53.44%	
HDG	34.80	GIẢM	TĂNG		36.25			35.30	32.61	-1.42%	
HNG	14.75	GIẢM	GIẢM		15.26				16.71		
HPG	23.00	TĂNG	GIẢM	22.20	22.06	3.60%			23.82		
HSG	7.88	TĂNG	TĂNG	7.19	7.02	9.60%			7.42		
HT1	15.55	TĂNG	TĂNG	16.55	14.93	-6.04%		16.90	14.99	-7.99%	
HUT	2.70	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	12.50%			2.71		
HVN	36.15	TĂNG	GIẢM	36.50	35.00	-0.96%			36.93		
KBC	14.75	GIẢM	TĂNG		14.82			15.35	13.91	-3.91%	
KDH	26.25	GIẢM	TĂNG	25.80	26.25	1.75%	BÁN	24.00	24.38	9.38%	
KSB	18.15	GIẢM	GIẢM		19.15				22.18		
LCG	8.57	TĂNG	GIẢM	8.55	8.11	0.23%			9.32		
LDG	10.20	GIẢM	TĂNG		10.72			9.89	10.08	3.13%	
LHG	16.65	TĂNG	GIẢM	15.60	15.59	6.73%			16.89		
LPB	8.10	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	5.19%			8.13		
MBB	23.30	TĂNG	TĂNG	23.55	22.89	-1.06%		21.85	21.72	6.64%	
MPC	22.20	GIẢM	GIẢM		23.11				27.72		
MSN	75.00	GIẢM	GIẢM		78.00				81.14		
MSR	16.90	TĂNG	GIẢM	17.20	16.42	-1.74%			18.90		
MWG	122.30	GIẢM	TĂNG		127.49			88.70	114.78	37.88%	
NDN	16.70	GIẢM	TĂNG		17.05			13.70	16.27	21.90%	
NKG	6.41	TĂNG	GIẢM	5.84	6.13	9.76%			6.45		
NLG	28.30	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-1.05%		28.70	26.73	-1.39%	
NT2	23.25	GIẢM	GIẢM		23.46				24.67		
NTL	22.80	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	-0.44%			25.17		
NVL	58.10	GIẢM	GIẢM		60.04			63.00	58.45	-7.23%	BÁN

We Create Fortune

OIL	10.20	GIẢM	GIẢM		10.59				11.76		
PAC	26.00	GIẢM	GIẢM		27.40				30.46		
PC1	19.30	GIẢM	TĂNG		19.66			21.10	18.48	-8.53%	
PDR	26.30	GIẢM	TĂNG		26.42			29.00	25.01	-9.31%	
PHR	56.90	GIẢM	GIẢM		60.53				65.37		
PLX	59.60	TĂNG	GIẢM	59.30	58.22	0.51%			61.98		
PNJ	85.30	TĂNG	TĂNG	81.90	83.07	4.15%		104.00	78.69	-17.98%	
POW	13.40	TĂNG	GIẢM	12.90	13.20	3.88%			13.98		
PVT	17.25	TĂNG	TĂNG	17.30	16.82	-0.29%		18.30	16.28	-5.74%	
PPC	26.00	TĂNG	GIẢM	26.20	25.18	-0.76%			28.36		
PTB	72.50	GIẢM	TĂNG	69.70	72.77	4.40%	BÁN	64.00	68.21	13.28%	
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.86			20.10	18.62	-5.47%	
PVD	16.60	TĂNG	TĂNG	16.95	16.13	-2.06%		18.10	15.96	-8.29%	
PVI	32.10	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.31%			36.00		
PVS	18.90	TĂNG	GIẢM	19.30	18.41	-2.07%			20.75		
PXS	6.00	TĂNG	TĂNG	4.76	5.54	26.05%		6.20	3.90	-3.23%	MUA
QNS	29.30	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-0.34%		33.80	27.80	-13.31%	
REE	37.60	TĂNG	TĂNG	37.95	36.80	-0.92%		33.33	35.23	12.83%	
SAB	255.00	TĂNG	GIẢM	260.00	253.70	-1.92%			270.96		
SAM	8.10	TĂNG	TĂNG	7.99	7.98	1.38%		7.40	7.49	9.46%	
SCR	6.02	GIẢM	GIẢM		6.20				6.65		
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.42			6.99	8.30	28.76%	
SJS	15.45	TĂNG	GIẢM	15.30	14.62	0.98%		-	16.88		
SKG	11.15	GIẢM	GIẢM		11.61				11.70		
SSI	21.65	TĂNG	GIẢM	21.75	21.39	-0.46%			22.27		
STB	10.75	GIẢM	GIẢM		11.15				11.09		
TCB	25.15	TĂNG	TĂNG	22.65	24.57	11.04%		22.65	22.18	11.04%	
TCM	21.85	GIẢM	GIẢM		22.60				24.97		
TDH	9.91	GIẢM	GIẢM		10.47				11.45		
TLH	3.90	TĂNG	GIẢM	4.06	3.67	-3.94%			4.48		
TNG	15.30	GIẢM	GIẢM		16.33				18.38		
VCB	91.70	TĂNG	TĂNG	80.00	88.44	14.63%		62.00	80.90	47.90%	
VCG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	1.11%		19.20	24.89	42.19%	
VCS	87.80	GIẢM	GIẢM		91.11				101.83		
VGC	18.75	GIẢM	GIẢM		19.30				20.53		
VGT	8.50	GIẢM	GIẢM		8.66				9.71		
VHC	78.90	GIẢM	GIẢM	81.30	79.15	-2.64%	BÁN		87.01		
VHM	97.80	TĂNG	TĂNG	88.80	96.39	10.14%		90.20	82.15	8.43%	
VIB	17.90	GIẢM	TĂNG		18.34			17.70	16.56	1.13%	

We Create Fortune

VIC	119.40	TĂNG	TĂNG	119.60	118.76	-0.17%		112.00	113.76	6.61%	
VIP	5.03	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-2.33%			5.39		
VJC	143.50	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.94%		124.50	137.02	15.26%	
VND	14.15	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	0.35%			14.88		
VNG	21.65	GIẢM	TĂNG		22.34			20.20	21.16	7.18%	
VNM	127.50	GIẢM	TĂNG		133.54			130.10	124.25	-2.00%	
VPB	21.65	TĂNG	TĂNG	22.25	21.52	-2.70%		20.30	20.56	6.65%	
VPI	41.30	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-2.13%		41.30	39.68	0.00%	
VRC	17.90	TĂNG	TĂNG	16.05	16.64	11.53%		17.30	16.26	3.47%	MUA
VRE	34.70	TĂNG	TĂNG	32.70	34.15	6.12%		35.05	30.54	-1.00%	
VSC	25.55	GIẢM	GIẢM		26.56				28.69		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	24.70	TĂNG	TĂNG	24.30	24.06	1.65%		24.00	21.78	2.92%	
BID	42.10	TĂNG	TĂNG	40.80	40.07	3.19%		33.40	35.98	26.05%	
BSR	10.10	TĂNG	GIẢM	10.00	9.45	1.00%			10.51		
BVH	73.80	TĂNG	GIẢM	74.00	72.80	-0.27%			76.84		
CTG	22.00	TĂNG	TĂNG	21.30	21.77	3.29%		22.00	20.43	0.00%	
FPT	61.00	TĂNG	TĂNG	58.20	58.11	4.81%		40.23	53.53	51.64%	
GAS	105.00	TĂNG	GIẢM	104.50	103.43	0.48%			109.55		
GEX	20.90	TĂNG	TĂNG	21.50	20.15	-2.79%		20.26	20.77	3.15%	
GVR	13.80	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.83%			N/A		
HDB	29.50	TĂNG	TĂNG	26.30	28.68	12.17%		28.00	26.95	5.36%	
HNG	14.75	GIẢM	GIẢM		15.26				16.71		
HPG	23.00	TĂNG	GIẢM	22.20	22.06	3.60%			23.82		
HVN	36.15	TĂNG	GIẢM	36.50	35.00	-0.96%			36.93		
KDH	26.25	GIẢM	TĂNG	25.80	26.25	1.75%	BÁN	24.00	24.38	9.38%	
MBB	23.30	TĂNG	TĂNG	23.55	22.89	-1.06%		19.72	21.72	18.16%	
MSN	75.00	GIẢM	GIẢM		78.00				81.14		
MWG	122.30	GIẢM	TĂNG		127.49			88.70	114.78	37.88%	
NVL	58.10	GIẢM	GIẢM		60.04			63.00	58.45	-7.23%	BÁN
OIL	10.20	GIẢM	GIẢM		10.59				11.76		
PLX	59.60	TĂNG	GIẢM	59.30	58.22	0.51%			61.98		
PNJ	85.30	TĂNG	TĂNG	81.90	83.07	4.15%		77.07	78.69	10.68%	
POW	13.40	TĂNG	GIẢM	12.90	13.20	3.88%			13.98		

We Create Fortune

QNS	29.30	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-0.34%		33.26	27.80	-11.90%	
REE	37.60	TĂNG	TĂNG	37.95	36.80	-0.92%		33.33	35.23	12.83%	
ROS	25.15	GIẢM	GIẢM		25.92				28.07		
SBT	18.90	TĂNG	TĂNG	18.90	18.20	0.00%		17.50	17.44	8.00%	
SSI	21.65	TĂNG	GIẢM	21.75	21.39	-0.46%			22.27		
STB	10.75	GIẢM	GIẢM		11.15				11.09		
TCB	25.15	TĂNG	TĂNG	22.65	24.57	11.04%		22.65	22.18	11.04%	
TPB	22.60	TĂNG	GIẢM	22.70	22.12	-0.44%			23.94		
VCB	91.70	TĂNG	TĂNG	80.00	88.44	14.63%		62.00	80.90	47.90%	
VCG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	1.11%		18.44	24.89	48.04%	
VCS	87.80	GIẢM	GIẢM		91.11				101.83		
VEA	49.20	GIẢM	GIẢM		51.26				59.45		
VGI	31.50	TĂNG	N/A	33.60	31.33	-6.25%			N/A		
VHM	97.80	TĂNG	TĂNG	88.80	96.39	10.14%		89.13	82.15	9.73%	
VIB	17.90	GIẢM	TĂNG		18.34			15.00	16.56	19.30%	
VIC	119.40	TĂNG	TĂNG	119.60	118.76	-0.17%		112.00	113.76	6.61%	
VJC	143.50	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.94%		124.50	137.02	15.26%	
VNM	127.50	GIẢM	TĂNG		133.54			130.10	124.25	-2.00%	
VPB	21.65	TĂNG	TĂNG	22.25	21.52	-2.70%		20.30	20.56	6.65%	
VRE	34.70	TĂNG	TĂNG	32.70	34.15	6.12%		35.05	30.54	-1.00%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.65	TĂNG	GIẢM	15.75	15.27	-0.63%			16.59		
ANV	25.25	GIẢM	GIẢM		26.55				27.58		
ASM	6.49	GIẢM	TĂNG		6.83			7.61	6.38	-14.72%	
BMI	26.40	TĂNG	TĂNG	26.00	26.04	1.54%		26.70	23.99	-1.12%	
BMP	52.40	GIẢM	TĂNG	51.80	52.57	1.49%	BÁN	48.30	48.32	8.49%	
BWE	24.80	GIẢM	GIẢM		25.92				27.80		
CEO	9.50	GIẢM	GIẢM		9.76				10.31		
CII	24.25	GIẢM	TĂNG		24.87			24.45	22.23	-0.82%	
CRE	24.50	GIẢM	GIẢM		25.03				25.88		
CTI	24.00	GIẢM	TĂNG	24.00	24.16	0.67%	BÁN	25.05	22.66	-4.19%	
CTR	49.20	TĂNG	GIẢM	46.50	47.38	5.81%			53.42		
D2D	86.50	TĂNG	TĂNG	72.50	81.68	19.31%		83.10	69.72	4.09%	
DBD	56.50	TĂNG	TĂNG	55.10	55.46	2.54%		38.65	50.35	46.18%	



We Create Fortune

DCM	7.13	GIẢM	GIẢM		7.42			7.63	7.15	-6.34%	
DGW	26.85	TĂNG	TĂNG	24.12	25.26	11.33%		23.04	23.61	16.54%	
DHC	39.80	TĂNG	TĂNG	33.00	36.69	20.61%		37.70	32.33	5.57%	
DIG	13.65	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-1.80%	
DPG	49.45	TĂNG	GIẢM	46.60	45.28	6.12%			50.61		
DPM	14.20	GIẢM	TĂNG		14.25			14.95	13.37	-5.02%	
DRC	23.05	GIẢM	TĂNG		23.87			21.60	21.72	6.71%	
DXG	16.10	TĂNG	TĂNG	16.30	15.43	-1.23%		15.50	14.86	3.87%	
E1VFN30	15.65	TĂNG	TĂNG	15.62	15.52	0.19%		15.26	14.82	2.56%	
FCN	11.70	GIẢM	GIẢM		12.28				13.36		
FLC	4.49	GIẢM	TĂNG		5.03			4.63	4.02	-3.02%	
GEG	28.00	TĂNG	TĂNG	28.10	27.37	-0.36%		12.50	24.99	123.96%	
GMD	25.10	TĂNG	TĂNG	25.87	25.03	-2.98%		26.91	24.57	-6.73%	
GTN	21.30	GIẢM	TĂNG		21.98			15.00	18.40	42.00%	
HAG	4.14	GIẢM	GIẢM		4.34				4.83		
HBC	12.30	GIẢM	GIẢM		13.08				14.92		
HCM	25.55	TĂNG	TĂNG	23.90	24.25	6.90%		23.40	21.08	9.19%	
HDC	23.40	TĂNG	TĂNG	23.30	22.04	0.43%		15.25	20.01	53.44%	
HDG	34.80	GIẢM	TĂNG		36.25			35.30	32.61	-1.42%	
HPX	26.70	GIẢM	#N/A		26.96			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.88	TĂNG	TĂNG	7.19	7.02	9.60%			7.42		
HT1	15.55	TĂNG	TĂNG	16.55	14.93	-6.04%		16.90	14.99	-7.99%	
HTM	14.90	GIẢM	GIẢM		15.67				18.90		
IBC	21.15	TĂNG	GIẢM	20.60	20.55	2.67%			21.22		
IDI	5.38	GIẢM	TĂNG		5.59			7.53	5.22	-28.55%	
IJC	15.50	GIẢM	TĂNG		15.89			13.10	13.74	18.32%	
ITA	3.13	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-4.86%		3.20	2.96	-2.19%	
KBC	14.75	GIẢM	TĂNG		14.82			14.85	13.91	-0.65%	
KDC	21.80	TĂNG	TĂNG	21.50	21.12	1.40%		21.90	18.93	-0.46%	
KOS	27.60	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	2.99%		26.30	25.20	4.94%	
KSB	18.15	GIẢM	GIẢM		19.15				22.18		
LDG	10.20	GIẢM	TĂNG		10.72			9.89	10.08	3.13%	
LPB	8.10	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	5.19%			8.13		
MBG	51.00	TĂNG	TĂNG	13.70	42.01	272.26%		5.10	33.74	900.00%	
MBS	14.20	GIẢM	GIẢM		14.87				16.02		
MPC	22.20	GIẢM	GIẢM		23.11				27.72		
NBB	21.60	TĂNG	GIẢM	20.85	20.44	3.60%			22.02		
NKG	6.41	TĂNG	GIẢM	5.84	6.13	9.76%			6.45		

We Create Fortune

NLG	28.30	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-1.05%		26.28	26.73	7.68%	
NT2	23.25	GIẢM	GIẢM		23.46				24.67		
NTL	22.80	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	-0.44%			25.17		
NVB	9.00	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	18.42%		8.50	8.00	5.88%	
OGC	3.90	GIẢM	GIẢM		4.07				4.28		
PC1	19.30	GIẢM	TĂNG		19.66			19.30	18.48	0.00%	
PDR	26.30	GIẢM	TĂNG		26.42			23.59	25.01	11.46%	
PHR	56.90	GIẢM	GIẢM		60.53				65.37		
PPC	26.00	TĂNG	GIẢM	26.20	25.18	-0.76%			28.36		
PTB	72.50	GIẢM	TĂNG	69.70	72.77	4.40%	BÁN	60.78	68.21	19.28%	
PVD	16.60	TĂNG	TĂNG	16.95	16.13	-2.06%		18.10	15.96	-8.29%	
PVI	32.10	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.31%			36.00		
PVS	18.90	TĂNG	GIẢM	19.30	18.41	-2.07%			20.75		
PVT	17.25	TĂNG	TĂNG	17.30	16.82	-0.29%		17.31	16.28	-0.32%	
QCG	4.50	GIẢM	GIẢM		4.78				5.27		
SCR	6.02	GIẢM	GIẢM		6.20				6.65		
SGP	8.50	GIẢM	GIẢM		9.00				11.46		
SHB	6.70	TĂNG	GIẢM	6.60	6.45	1.52%			6.86		
SHS	8.70	TĂNG	TĂNG	7.30	8.12	19.18%		8.40	7.19	3.57%	
SZC	17.50	TĂNG	#N/A	18.30	17.33	-4.37%			#N/A		
TCH	24.35	TĂNG	GIẢM	23.30	22.80	4.51%			25.19		
TCM	21.85	GIẢM	GIẢM		22.60				24.97		
TDH	9.91	GIẢM	GIẢM		10.47				11.45		
TNG	15.30	GIẢM	GIẢM		16.33				18.38		
TTB	15.35	GIẢM	GIẢM		18.40				22.37		
VGC	18.75	GIẢM	GIẢM		19.30				20.53		
VGT	8.50	GIẢM	GIẢM		8.66				9.71		
VHC	78.90	GIẢM	GIẢM	81.30	79.15	-2.64%	BÁN		87.01		
VND	14.15	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	0.35%			14.88		
VNG	21.65	GIẢM	TĂNG		22.34			20.20	21.16	7.18%	
VPI	41.30	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-2.13%		41.30	39.68	0.00%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.80	GIẢM	GIẢM		9.33				10.21		
AGR	4.16	GIẢM	GIẢM		4.28				4.85		



We Create Fortune

AMD	1.63	GIẢM	GIẢM		1.73			1.67		
APG	10.00	TĂNG	TĂNG	8.76	9.35	14.16%		9.90	7.90	1.01%
ART	2.20	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	10.00%			2.25	
BCG	8.80	TĂNG	TĂNG	8.60	7.87	2.33%		6.39	7.30	37.72%
C4G	6.30	TĂNG	GIẢM	6.90	6.22	-8.70%			7.72	
C69	12.80	GIẢM	GIẢM		15.82				24.91	
CCL	6.69	GIẢM	GIẢM		7.46				8.70	
CVT	22.40	GIẢM	TĂNG		23.76			20.35	21.01	10.07%
DAH	9.68	GIẢM	GIẢM		10.62				11.48	
DLG	1.55	GIẢM	GIẢM		1.67				1.65	
DRH	4.36	GIẢM	GIẢM		5.23				6.94	
DTD	12.40	GIẢM	GIẢM		13.50				16.35	
EVG	2.72	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-2.16%			2.90	
FIT	4.42	GIẢM	TĂNG		4.47			3.64	3.79	21.43%
FTM	3.19	GIẢM	GIẢM		3.70				6.75	
FUES SV50	13.58	TĂNG	TĂNG	13.30	13.53	2.11%		12.85	12.95	5.68%
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	0.67%			15.54	
HAH	12.70	GIẢM	GIẢM		13.29				15.60	
HAI	2.02	TĂNG	TĂNG	1.69	1.76	19.53%		1.88	1.58	7.45%
HAR	4.01	TĂNG	TĂNG	3.75	3.68	6.93%			3.88	
HDA	10.70	GIẢM	GIẢM		11.09				12.03	
HHP	11.90	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-2.46%			13.51	
HHS	3.04	GIẢM	TĂNG		3.19			3.36	2.94	-9.52%
HID	2.45	TĂNG	TĂNG	2.10	2.37	16.67%		2.63	2.16	-6.84%
HII	11.20	GIẢM	GIẢM		11.72				12.29	
HQC	1.07	GIẢM	GIẢM		1.13				1.25	
HSL	7.68	GIẢM	GIẢM		8.08				9.29	
HUT	2.70	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	12.50%			2.71	
HVG	7.27	TĂNG	TĂNG	3.02	6.07	140.73%		3.90	3.52	86.41%
HVH	18.35	TĂNG	GIẢM	18.60	18.14	-1.34%			21.39	
IDJ	7.50	GIẢM	TĂNG		7.77			7.20	5.42	4.17%
JVC	4.13	GIẢM	GIẢM		4.44				4.91	
KLF	1.20	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-14.29%			1.48	
LCG	8.57	TĂNG	GIẢM	8.55	8.11	0.23%			9.32	
LGL	9.20	GIẢM	TĂNG		9.45			7.11	8.39	29.34%
LHG	16.65	TĂNG	GIẢM	15.60	15.59	6.73%			16.89	
LMH	12.70	GIẢM	#N/A		13.16				#N/A	
MST	3.90	TĂNG	TĂNG	3.80	3.39	2.63%		3.40	2.97	14.71%



We Create Fortune

NDN	16.70	GIẢM	TĂNG		17.05		13.10	16.27	27.44%	
PHC	11.95	GIẢM	TĂNG		12.41		14.20	11.21	-15.85%	
PLP	10.15	GIẢM	GIẢM		10.61			12.87		
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.86		19.42	18.62	-2.15%	
PVC	7.20	GIẢM	TĂNG		7.80		6.70	6.30	7.46%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.40			1.50		
PXL	7.10	TĂNG	TĂNG	5.50	6.08	29.09%	6.70	6.41	5.97%	MUA
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.42		5.77	8.30	56.11%	
SJF	2.21	GIẢM	GIẢM		2.31			2.91		
SPP	2.20	GIẢM	GIẢM		2.32			3.08		
TDC	8.84	GIẢM	TĂNG		8.86		7.05	8.48	25.32%	
TIG	5.70	TĂNG	TĂNG	3.40	5.10	67.65%	3.20	3.77	78.13%	
TLH	3.90	TĂNG	GIẢM	4.06	3.67	-3.94%		4.48		
TNA	19.80	TĂNG	TĂNG	13.70	18.15	44.53%	11.45	15.04	72.91%	
TNI	10.05	GIẢM	GIẢM		10.16			10.89		
TSC	3.78	TĂNG	TĂNG	1.88	3.15	101.06%	1.58	2.54	139.24%	
TTF	2.84	GIẢM	GIẢM		2.97			3.22		
TTH	2.80	GIẢM	GIẢM		2.87			3.17		
TVC	15.20	GIẢM	TĂNG		15.85		14.30	14.38	6.29%	
VC3	18.20	TĂNG	TĂNG	25.50	17.04	-28.63%	22.00	14.91	-17.27%	
VCR	14.90	GIẢM	GIẢM		17.65			23.69		
VNA	4.30	GIẢM	TĂNG		4.60		4.70	3.92	-8.51%	
VNE	3.48	GIẢM	GIẢM		3.66			3.70		
VRC	17.90	TĂNG	TĂNG	16.05	16.64	11.53%	17.30	16.26	3.47%	MUA

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	1018.33	0.16%	HNI	106.96	0.19%	UPCoM	56.8	0.14%
VN30	939.82	0.01%	HN30	189.79	0.31%			
VN Mid	972.22	0.12%	VNX	900.58	-0.02%			
VN Small	791.95	0.40%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	431.4		Mua	10.03		Mua	44.05	
Bán	582.55		Bán	4.62		Bán	38.18	
GT ròng	-151.15		GT ròng	5.41		GT ròng	5.87	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HSG	510	6.92%	MBG	2600	5.37%	PXL	400	5.97%
HVG	470	6.91%	HUT	100	3.85%	HTM	800	5.67%
TSC	240	6.78%	AMV	300	1.60%	LPB	400	5.19%
DPG	1800	3.78%	L14	800	1.38%	VCP	2200	3.49%
DPM	500	3.65%	NDN	200	1.21%	BSR	200	2.02%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTF	-1000	-4.17%	DNP	-800	-4.85%	DVN	-100	-0.85%
CTI	-900	-3.61%	VCR	-400	-2.61%	NHH	-300	-0.63%
CTD	-1700	-2.33%	TNG	-200	-1.29%	VEA	-200	-0.40%
KDH	-550	-2.05%	DHT	-400	-0.74%	VGI	-100	-0.32%
BWE	-450	-1.78%	TVC	-100	-0.65%	ACV	0	0.00%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	397,832		ACB	40,916		ACV	169,662	
VCB	338,621		VCS	13,952		VGI	96,032	
VHM	330,597		VCG	11,970		VEA	65,643	
VNM	225,160		PVS	9,034		GVR	55,200	
GAS	199,625		SHB	8,061		MCH	51,801	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	27,485,890	27,216,455	HUT	5,134,544	1,664,830	BSR	3,819,688	1,991,110
HSG	10,446,090	3,576,029	CEO	2,439,280	677,147	LPB	2,395,254	754,046
GTN	9,803,499	2,394,986	DNP	2,248,626	349,835	VCP	1,242,378	625,296
HAI	7,955,550	2,475,770	PVS	1,587,673	1,760,628	TBD	980,281	63,640
SCR	7,896,470	4,315,538	ACB	1,584,994	5,208,381	SBS	812,360	119,482

Nguồn: Bloomberg & YSVN

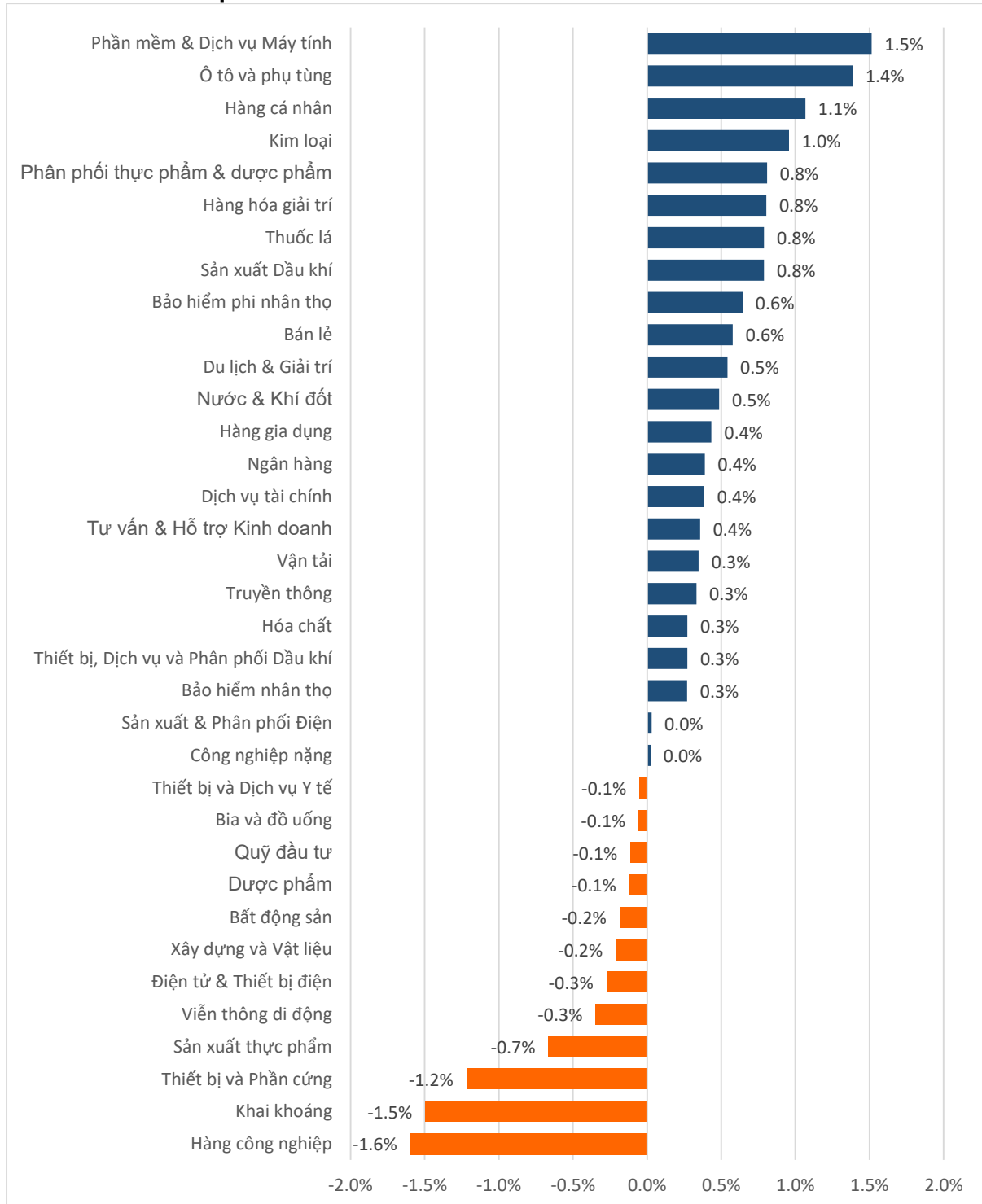
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



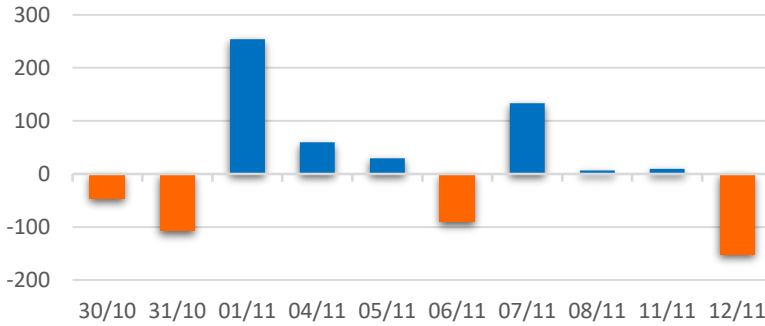
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

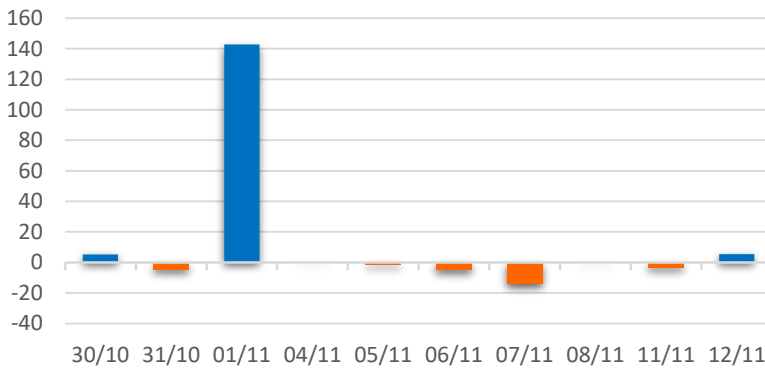
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	33,662	VNM	173,259
VHM	27,761	VIC	54,087
ROS	23,346	SSI	12,198
VRE	20,020	POW	9,933
BID	11,790	E1VFN30	7,734

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

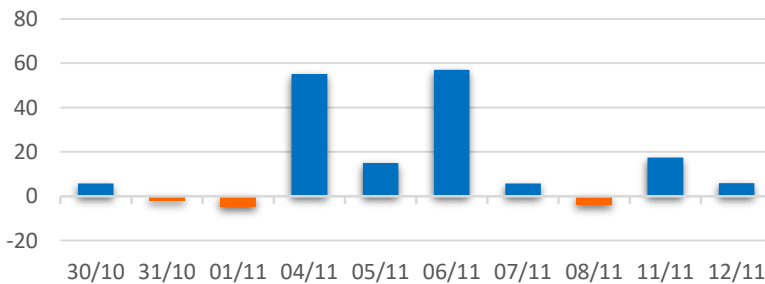
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	2,224	DHT	706
SHB	2,206	VC3	533
PVC	575	VCS	417
PVI	522	PVG	395
PTI	300	DNP	76

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	3,361	BSR	15,114
BCM	1,153	VEA	12,925
QNS	732	VGI	595
OIL	510	CTR	249
TCW	292	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN

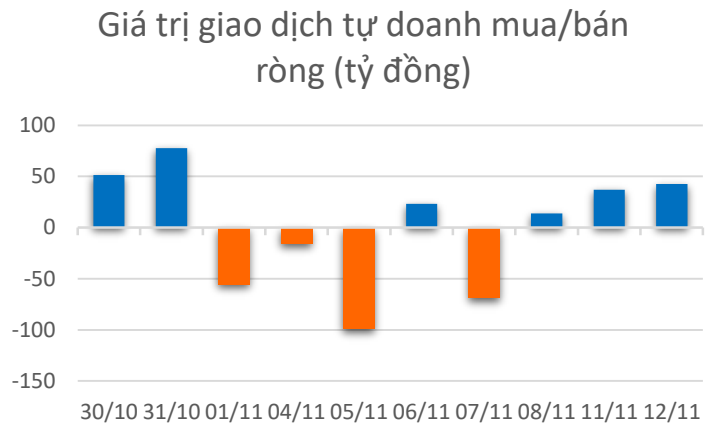


We Create **Fortune**

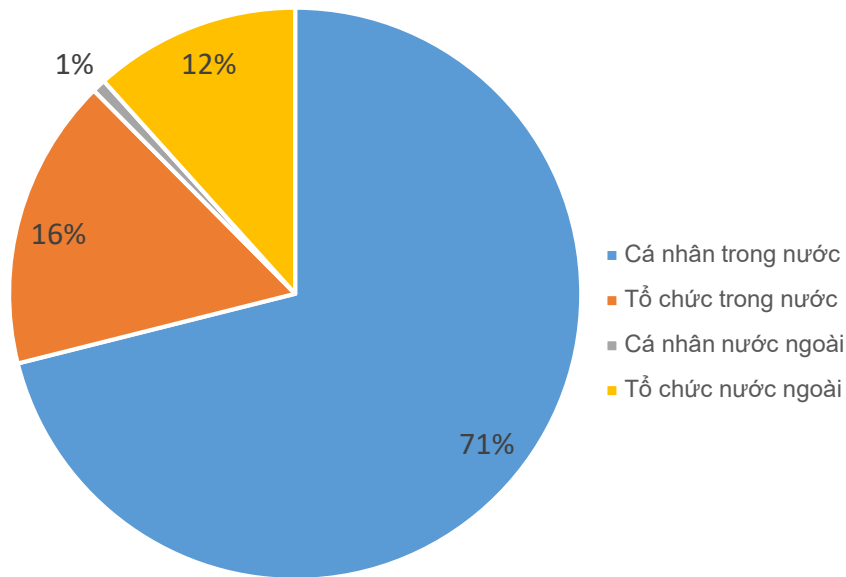
THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MBB	15,364	FPT	20,671
HPG	14,892	PLX	17,295
E1VFN30	11,110	MBB	14,885
VNM	9,386	REE	4,512
TCB	9,249	E1VFN30	3,556

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

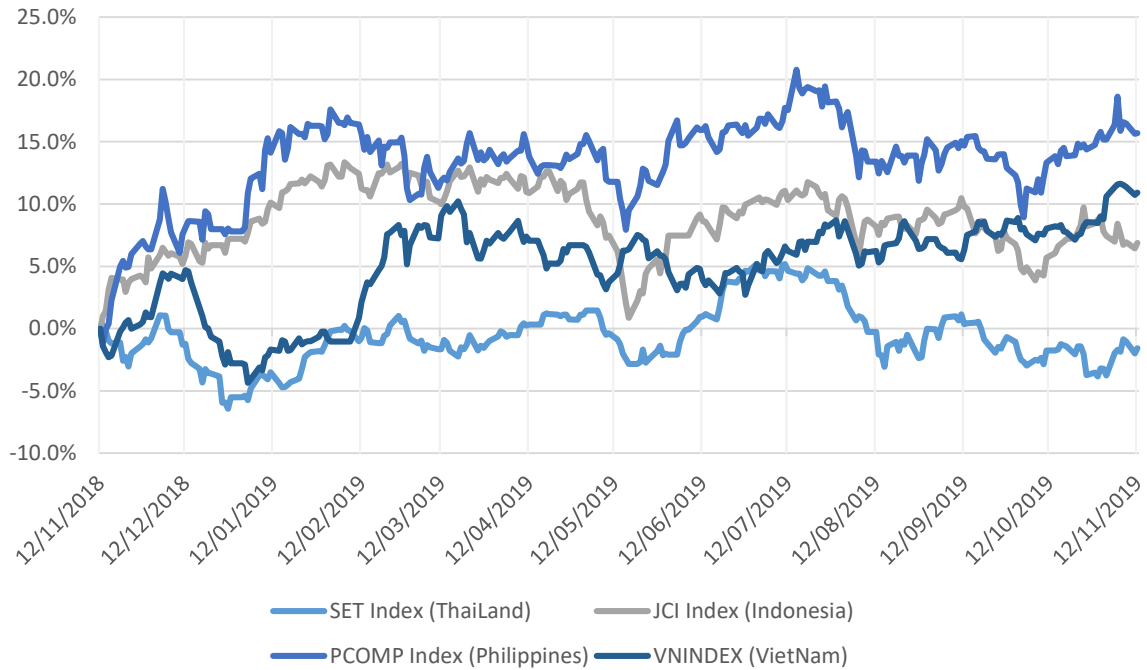


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

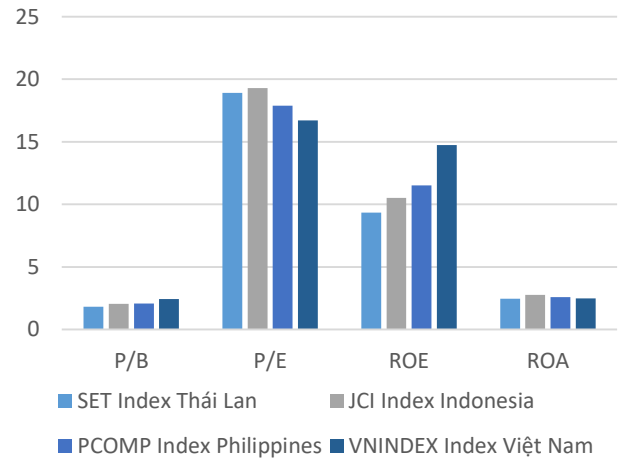
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.1x	2.4x
P/E		18.9x	19.3x	17.9x	16.7x
ROE	%	9.34	10.51	11.52	14.74
ROA	%	2.45	2.76	2.58	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	560.22	505.02	197.07	149.40
GTGD	Triệu USD	1.32	0.33	0.06	0.15
LS cổ tức	%	3.07	2.44	1.58	1.97

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written